

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí, lệ phí quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thủy sản**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28/8/2001 và Nghị định số 57/2002/ NĐ- CP ngày 3/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Pháp lệnh vệ sinh an toàn thực phẩm ngày 26/7/2003, Nghị định số 163/2004/NĐ-CP ngày 7/9/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm; một số Điều của Pháp lệnh Thú y, Pháp lệnh giống vật nuôi, Pháp lệnh bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 1/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Sau khi có ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1432/BNN-QLCL ngày 22/5/2008;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này các biểu mức thu phí, lệ phí quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thủy sản, bao gồm:

1. Biểu Mức thu lệ phí về công tác quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thủy sản (phụ lục số 1);
2. Biểu mức thu lệ phí về công tác thú y thủy sản (phụ lục số 2);
3. Biểu mức thu phí về công tác quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thủy sản (phụ lục số 3);
4. Biểu mức thu phí về công tác thú y thủy sản (phụ lục số 4).

Điều 2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thủy sản và các sản phẩm thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu, tiêu thụ nội địa; sản xuất kinh doanh thuốc thú y, thức ăn, hoá chất, chế phẩm sinh học dùng trong nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các

ng nghiệp vụ quản lý chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm và vệ sinh thú y thủy sản theo quy định của pháp luật phải nộp phí, lệ phí theo mức thu quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Phí, lệ phí quản lý nhà nước chất lượng an toàn vệ sinh và thú y thủy sản thu bằng Đồng Việt Nam. Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài có nhu cầu nộp phí, lệ phí bằng ngoại tệ thì thu bằng đô la Mỹ (USD) theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu tiền.

Điều 3. Cơ quan quản lý nhà nước về quản lý chất lượng an toàn vệ sinh và thú y thủy sản (gồm Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản, Cục Thú y, Cục Nuôi trồng thủy sản, đơn vị trực thuộc và cơ quan quản lý chất lượng an toàn vệ sinh và thú y thủy sản tại địa phương) thực hiện các công việc nêu tại Điều 2 Quyết định này có nhiệm vụ tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí theo quy định tại Quyết định này (dưới đây gọi chung là cơ quan thu phí, lệ phí).

Điều 4. Phí, lệ phí về công tác quản lý chất lượng an toàn vệ sinh và thú y thủy sản là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý sử dụng như sau:

1. Cơ quan thu phí, lệ phí được để lại 95% tổng số tiền thu về phí, lệ phí thực thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí, lệ phí theo quy định cụ thể như sau:

a) Chi tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công theo chế độ hiện hành (trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước);

b) Chi bảo hộ lao động hoặc đồng phục, trang phục cho người lao động theo chế độ quy định;

c) Chi các khoản đóng góp theo quy định đối với người lao động như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn;

d) Chi thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc phục vụ công tác thu phí, lệ phí;

d) Chi sửa chữa thường xuyên nhà cửa, phương tiện, máy móc thiết bị văn phòng phục vụ công tác kiểm soát chất lượng an toàn vệ sinh và thú y thủy sản;

e) Chi khác phục vụ trực tiếp công tác quản lý chất lượng an toàn vệ sinh và thú y thủy sản;

g) Chi mua biên lai, ấn chỉ, nguyên, nhiên vật liệu, hoá chất, công cụ, dụng cụ, máy móc, thiết bị vật tư phục vụ trực tiếp công tác thu phí, lệ phí;

h) Chi sửa chữa lớn tài sản, máy móc thiết bị, phương tiện chuyên dùng phục vụ công tác thu phí, lệ phí;

i) Chi thuê trụ sở, thuê chuyên gia kỹ thuật, công nhân kỹ thuật và máy móc thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác thu phí, lệ phí (nếu có);

k) Chi hội nghị, hội thảo, đào tạo ngắn hạn, tập huấn nghiệp vụ, nâng cao trình độ chuyên môn, thực nghiệm phương pháp kỹ thuật ... phục vụ công tác kiểm soát chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm và vệ sinh thú y thủy sản và công tác thu phí, lệ phí;

l) Chi hoạt động đối ngoại phục vụ trực tiếp công tác quản lý chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh thú y thủy sản như mua tài liệu kỹ thuật, tiếp chuyên gia nước ngoài vào kiểm tra công tác quản lý chất lượng an toàn vệ sinh thủy sản tại Việt Nam; Chi phí cử cán bộ, chuyên viên đi làm việc với các đối tác nước ngoài theo mức quy định hiện hành;

m) Chi khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ, nhân viên trực tiếp thu phí, lệ phí trong đơn vị bình quân một năm, một người tối đa không quá 3 (ba) tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay cao hơn năm trước hoặc bằng 2 (hai) tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay thấp hơn hoặc bằng số thu năm trước.

2. Cơ quan thu phí, lệ phí thuộc các Cục: Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản, Thú y, Nuôi trồng thủy sản, căn cứ vào số tiền được trích theo tỷ lệ quy định để chi phục vụ công tác thu phí và chi theo dự toán được duyệt (dự toán năm chia cho từng tháng, quý), nếu số tiền thu được lớn hơn số chi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì phải nộp số chênh lệch vào tài khoản của các Cục để các Cục điều hoà cho các đơn vị thu phí, lệ phí trực thuộc (bao gồm cả Văn phòng Cục) không đủ nguồn chi bảo đảm quỹ tiền lương tối thiểu cho cán bộ, công nhân viên thu phí, lệ phí và các khoản chi phục vụ hoạt động quản lý chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh thú y thủy sản của các Cục theo chế độ quy định.

3. Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản, Cục Thú y, Cục Nuôi trồng thủy sản thực hiện lập dự toán thu, chi hàng năm báo cáo Bộ Tài chính phê duyệt; mở tài khoản riêng tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để theo dõi việc thu - chi đối với khoản tiền điều hoà phục vụ công tác tổ chức thu phí, lệ phí do các đơn vị thu phí, lệ phí còn chênh lệch thừa nộp về để chuyển cho đơn vị thiếu. Đồng thời phải mở sổ hạch toán riêng, cuối năm nếu chưa sử dụng hết thì được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng và hàng năm phải quyết toán với Bộ Tài chính.

4. Tổng số tiền phí, lệ phí thực thu được, sau khi trừ số tiền được trích theo tỷ lệ quy định tại khoản 1 Điều này, số còn lại (5%) cơ quan thu phí, lệ phí phải nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng của mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 5.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Quyết định này thay thế Quyết định số 22/2006/QĐ-BTC ngày 04/4/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thủy sản. Đối với chi phí kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh cơ sở sản

xuất, kinh doanh thủy sản, định kỳ hàng năm, các cơ quan quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thủy sản ở Trung ương và địa phương lập dự toán cho các hoạt động kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt và cấp ngân sách theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí, lệ phí không đề cập tại Quyết định này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

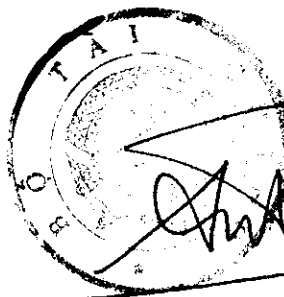
3. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải nộp phí, lệ phí quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thủy sản, Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản, Cục Thú y, Cục Nuôi trồng thủy sản, các đơn vị thu phí, lệ phí và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung. *hm*

Nơi nhận:

- Văn phòng TƯ Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát NDTC;
- Tòa án NDTC;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan TƯ của các đoàn thể;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- UBND, Sở Tài chính, Cục thuế, Kho bạc các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu VT, CST(3).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Phụ lục số 1

Mức thu lệ phí về công tác quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thủy sản
(Ban hành kèm theo Quyết định số 60/2008/QĐ-BTC ngày 31/7 /2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TT	TÊN LỆ PHÍ	ĐƠN VỊ	MỨC THU (đ)
1	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản	đ/ lần cấp	40.000
2	Giấy chứng nhận áp dụng chương trình quản lý chất lượng theo HACCP	đ/lần cấp	40.000
3	Giấy chứng nhận chất lượng và chứng thư vệ sinh cho lô hàng thủy sản.	đ/ lần cấp	40.000
4	Giấy chứng nhận kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu đơn lẻ theo yêu cầu của khách hàng	đ/ lần cấp	10.000
5	Giấy chứng nhận xuất xứ tự nhiên thể hai mảnh vỏ	đ/ lần cấp	40.000
6	Lệ phí cấp giấy chứng nhận tên gọi xuất xứ nước mắm	đ/ lần cấp	40.000

Chú thích: HACCP là Chương trình kiểm soát chất lượng dựa vào phân tích mối nguy và kiểm soát tại điểm tới hạn.